TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2018/HC-PT
Ngày 22 tháng 8 năm 2018
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương;

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh;

Ông Đỗ Đình Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 318/2018/TLPT-HC ngày 28 tháng 6 năm 2018.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1658/2017/HC-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1095/2018/QĐPT-HC ngày 02 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Đỗ Thị S(có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bà Đỗ Thị SPT, xã PHĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Vũ Anh T-Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định số: 261/QĐ-TGPL ngày 26/09/2017 của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện:* Uỷ ban nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 77 Tỉnh lộ 8, khu phố 7, thị trấn CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hữu Hoài Ph-Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện CC (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Việt D – Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện CC, theo Giấy ủy quyền số: 6845/UQ-UBND ngày 08/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện CC Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn M – Phó trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng, theo Giấy yêu cầu số: 8486/UBND-TNMT ngày 05/07/2017 của ông Nguyễn Hữu Hoài Ph-Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CC (có mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện, bà Đỗ Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, Bà Đỗ Thị S trình bày: Ngày 15/3/2013, UBND huyện CC ban hành Quyết định số 2540/QĐ-UBND thu hồi 687,5m^2 thuộc thửa đất 326, 327, tờ bản đồ số 04 theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB để đầu tư xây dựng công trình đường dây 500kv Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông. Phần đất trên bà S đã nhận được tiền bồi thường. Đối với diện tích 91,7m^2, trước đây Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện CC đã yêu cầu bà ký bàn giao mặt bằng để thi công công trình. Tuy nhiên, số tiền hỗ trợ, bồi thường lại không đúng như Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện đã hứa là 620.000 đồng/m^2. Cho đến nay, bà S vẫn chưa nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên. Bà S cho rằng việc thực hiện bồi trường, hỗ trợ đối với bà có sự mờ ám, không công khai nên bà S khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 2540/QĐ – UBND ngày 15/03/2013, Quyết định số 247/QĐ – UBND ngày 14/01/2016 của UBND huyện CC liên quan đến việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất của bà bị thu hồi và yêu cầu bồi thường diện tích 91,7m^2 với giá 620.000 đồng/m^2 như Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện đã hứa .

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân huyện CC trình bày:

UBND huyện CC đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 2540/QĐ-UBND ngày 15/3/2013 đối với ông Đỗ Văn Tr (đã chết) là cha của bà S là đúng quy định tại Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên – Môi trường; Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 331/QĐ-EVN ngày 27/5/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường dây 500kV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông; Công văn số 6743/UBND-ĐTMT ngày 30/12/2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng trạm biến áp 500kV Cầu Bông và đường dây 500kV đấu nối; trạm biến áp 110kV Cầu Bông; đường dây 500kV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông; trạm biến áp 220kV CC và các đường dây 220 - 110kV đấu nối. Việc UBND huyện CC ban hành Quyết định số: 247/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung phần hành lang tuyến đợt 3 trong dự án đầu tư xây dựng công trình đường dây điện 500kV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông, số tiền là 21.764.880 đồng là đúng pháp luật và đã chi trả cho bà S.

Đối với phần đất ảnh hưởng bởi 54 vị trí móng trụ: Tổng diện tích ảnh hưởng: 687,5m^2. UBND huyện đã ban hành Quyết định bồi thường số 4834/QĐ-UBND ngày 22/5/2013, với tổng số tiền bồi thường: 426.250.000 đồng. Tổng số tiền

bồi thường cho 01m^2 bị ảnh hưởng của 54 vị trí móng trụ là: 300.000 đồng/m^2 + 312.000 đồng/m^2 = 612.000 đồng/m^2 (số tiền này bà S đã nhận tiền).

Đối với phần đất ảnh hưởng bởi hành lang tuyến: Diện tích ảnh hưởng: 2.180,5m^2, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 18/3/2014, bồi thường với tổng số tiền 544.677.000 đồng (số tiền này bà S đã nhận tiền). Diện tích ảnh hưởng bổ sung đoạn đấu nối phần đường dây 110kV của đường dây 500kV: 85,5m^2, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 14/01/2016, bồi thường với tổng số tiền: 21.764.880 đồng (số tiền này bà S đã nhận tiền).

Đối với phần đất nhỏ lẻ đề nghị Bồi thường thêm: Tổng diện tích đất nhỏ lẻ bồi thường thêm là 91,7m^2 (gồm: 72m^2 nằm trong phần hành lang đã được hỗ trợ và 19,7m^2 không nằm trong hành lang được hỗ trợ), đơn giá đất bồi thường là 300.000 đồng/m^2 và hỗ trợ chuyển đổi nghề là 312.000 đồng/m^2 . Tổng cộng là 612.000 đồng/m^2. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 17/02/2016, bồi thường với tổng số tiền là 34.846.000 đồng. Sau đó, UBND huyện tiếp tục ban hành Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 bồi thường tổng số tiền là 4.728.000 đồng (thuộc 19,7m^2 nằm ngoài hành lang trước đây chưa được hỗ trợ trong phần 91,7m^2). Như vậy, số tiền bồi thường đối với phần đất nhỏ lẻ 91,7m^2 được chiết tính bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá 612.000 đồng/m^2 (91,7m^2 x 612.000 đồng/m^2 = 56.120.400 đồng). Số tiền được hỗ trợ trong hành lang theo Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 là: 72m^2 x 240.000 đồng/m^2 = 17.280.000 đồng (bà S đã nhận tiền). Số tiền còn lại là 39.574.000 đồng (bà S chưa nhận). UBND huyện CC sẽ chi trả số tiền trên theo quy định pháp luật.

Đối với việc bồi thường 91,7m^2 (phần đất nhỏ lẻ, nằm ngoài ranh thu hồi của dự án, không phù hợp để sản xuất) là căn cứ vào Đơn đề nghị của bà S đề ngày 10/11/2015, được xác nhận của UBND xã PHĐ; Công văn số 841/HĐTĐBT-TTr ngày 13/10/2015 của Hội đồng thẩm định Bồi thường và Công văn số 4771/UBND-ĐTMT ngày 17/9/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản án số 1658/2017/HC-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên – Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 331/QĐ-EVN ngày 27/5/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường dây 500kV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông;

Căn cứ Công văn số 6743/UBND-ĐTMT ngày 30/12/2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng trạm biến áp 500kV Cầu Bông và đường dây 500kV đấu nối; trạm biến áp 110kV Cầu Bông; đường dây 500kV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông; trạm biến áp 220kV CC và các đường dây 220 - 110kV đấu nối;

Căn cứ Pháp lệnh về Án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Svề tính tiền bồi thường hỗ trợ đối với phần diện tích đất nhỏ lẻ 91,7m^2 theo Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CC Thành phố Hồ Chí Minh;

[2]. Các Quyết định về thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ: Quyết định số: 2540/QĐ-UBND ngày 15/3/2013, Quyết định số: 3152/QĐ-UBND, Quyết định số: 247/QĐ – UBND ngày 14/01/2016, Quyết định số: 1054/QĐ – UBND ngày 14/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CC Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bà Đỗ Thị Sđược ban hành đúng pháp luật.

[3]. Ghi nhận Bà Đỗ Thị Sxác định đã nhận tiền bồi thường của Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 15/3/2013, Quyết định số: 3152/QĐ – UBND ngày 18/03/2014, Quyết định số: 247/QĐ – UBND ngày 14/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CC Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]. Ghi nhận trình bày của Ủy ban nhân dân huyện CC đã thực hiện việc thu hồi đất và chiết tính bồi thường, hỗ trợ theo yêu cầu của bà S. Số tiền 39.574.000 đồng, bà S chưa nhận, Ủy ban nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chi trả cho bà đúng theo quy định và cả tiền lãi phát sinh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 02/01/2018, Bà Đỗ Thị S kháng cáo yêu cầu bồi thường đúng nội dung đã thỏa thuận; UBND huyện CC để ngoài sổ sách đối với số tiền bồi thường nhưng bà S chưa nhận; UBND huyện CC ép buộc phải hiến phần đất nhỏ lẻ không thể canh tác được diện tích 91,7m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S trình bày: Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện CC đã hứa đến bù 620.000 đồng/m^2 đối với diện tích 91,7m^2 nhưng thực tế bồi thường 612.000 đồng/m^2 là không đúng thỏa thuận khi thu hồi đất. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà S trình bày: Việc thỏa thuận bồi thường 620.000 đồng/m^2 do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện CC và bà S thỏa thuận miệng, không có văn bản, thực tế bà S chỉ được bồi thường 612.000 đồng/m^2 là không đúng thỏa thuận. Theo bà S trình bày thì diện tích 91,7m^2 bà S không tự nguyện hiến đất mà do bị ép buộc nên đề nghị trả lại diện tích đất trên cho bà S. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà S.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 2540/QĐ-UBND ngày 15/3/2013 và Quyết định số: 247/QĐ – UBND ngày 14/01/2016 của UBND huyện CC. Tại phiên tòa sơ thẩm bà S đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án phải ra quyết định đình chỉ xét xử vụ án. Việc Tòa án giải quyết yêu cầu đối với diện tích 91,7m^2 theo giá 620.000 đồng/m^2 là vượt quá phạm vi khởi kiện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 141 Luật tố tụng hành chính hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của Bà Đỗ Thị S đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai" và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/12/2017 (bút lục 327), bà S thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Rút lại yêu cầu hủy Quyết định số: 2540/QĐ-UBND ngày 15/3/2013, Quyết định số: 247/QĐ – UBND ngày 14/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CC, chỉ yêu cầu Tòa án tính lại số tiền bồi thường đối với phần đất đã thu hồi bổ sung diện tích 91,7m^2 theo giá 620.000 đồng/m^2 như Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng đã thỏa thuận. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính do người khởi kiện đã rút yêu cầu là đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bà S, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Bà S xác định đã nhận tiền bồi thường tại Quyết định số: 2540/QĐ-UBND ngày 15/3/2013, Quyết định số: 3152/QĐ – UBND ngày 18/3/2014 và Quyết định số: 247/QĐ – UBND ngày 14/01/2016 của UBND huyện CC.

[4] Tại Đơn đề nghị ngày 10/11/2015 của bà S, được UBND xã PHĐ xác nhận (bút lục 278), có nội dung: Bà S đề nghị thu hồi luôn phần đất nhỏ lẻ 91,7m^2. Theo đề nghị của bà S, căn cứ quy định pháp luật, UBND huyện CC đã ban hành Quyết định số: 1054/QĐ – UBND ngày 14/01/2016 và Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với diện tích 91,7m^2 (nằm ngoài diện tích đất bị thu hồi tại Quyết định 2540/QĐ-UBND ngày 15/3/2013 của UBND huyện CC), với tổng số tiền là 56.120.400 đồng, theo đơn giá 612.000 đồng/m^2 (=91,7m^2 x 612.000 đồng/m^2). Sau đó, bà S đã khiếu nại và ngày 22/08/2016, Chủ tịch UBND huyện CC ban hành Quyết định số 6800/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của Soi, có nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của bà S. Không đồng ý, bà S tiếp tục khiếu nại và ngày 30/12/2016, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6948/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà S, có nội dung: Công nhận Quyết định số 6800/QĐ-UBND ngày 22/08/2016 của Chủ tịch UBND huyện CC về giải quyết khiếu nại của Soi yêu cầu bồi thường phần diện tích đất 91,7m^2 với đơn giá 612.000 đồng/m^2 là đúng chính sách. Bà S cho rằng bị ép buộc phải ký đơn đề nghị bồi thường phần diện tích đất 91,7m^2 nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Bà S cho rằng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện CC có hứa sẽ bồi thường cho bà 620.000 đồng/m^2 đối với diện tích 91,7m^2. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà S không xuất trình được chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận nêu trên, trong khi đó, người bị kiện không thừa nhận nên kháng cáo của bà S không có căn cứ.

[6] Đối với các nội dung kháng cáo việc UBND huyện CC để ngoài sổ sách đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích 91,7m^2 nhưng bà S chưa nhận là trái pháp luật, thấy rằng: Nội dung kháng cáo này không liên quan đến việc khởi kiện vụ án hành chính này, bản án sơ thẩm cũng không giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Lẽ ra, khi nhận đơn kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn để người kháng cáo sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo nhưng Tòa án vẫn thụ lý là không đúng. Vì vậy, cần rút kinh nghiệm.

[7] Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà S đã rút yêu cầu hủy Quyết định số: 2540/QĐ-UBND và Quyết định số: 247/QĐ-UBND. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ Điều 146 Luật tố tụng hành chính để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện do bị đơn tự nguyện rút mới đúng. Tại phần quyết định của bản án ghi nhận các Quyết định số: 2540/QĐ-UBND ngày 15/3/2013, Quyết định số: 3152/QĐ-UBND ngày 18/03/2014, Quyết định số: 247/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 và Quyết định số: 1054/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND huyện CC đối với bà S được ban hành đúng pháp luật; đồng thời ghi nhận bà S đã nhận tiền bồi thường theo các Quyết định số 2540/QĐ-UBND, Quyết định số: 3152/QĐ-UBND, Quyết định số: 247/QĐ-UBND của UBND huyện CC trong khi không có đương sự nào yêu cầu là không cần thiết. Những vi phạm tố tụng trên là chưa nghiêm trọng, cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên không cần thiết phải hủy bản án để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[8] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát thấy rằng: Đơn khởi kiện các ngày

15/2/2017, ngày 16/3/2017 và quá trình tố tụng, bà S yêu cầu hủy Quyết định số: 2540/QĐ-UBND, Quyết định số: 247/QĐ – UBND của UBND CC và yêu cầu bồi thường diện tích 91,7m^2 theo giá 620.000 đồng/m^2 như Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đã thỏa thuận. Tại phiên tòa sơ thẩm bà S chỉ rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy các quyết định nêu trên nên Tòa án ấp sơ thẩm vẫn phải tiếp tục giải quyết yêu cầu bồi thường 91,7m^2 theo đơn giá 620.000 đồng/m^2 là đúng nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[9] Hội đồng xét xử thống nhất bác kháng cáo của bà S, sửa bản án sơ thẩm. Bà S được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị S.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 1658/2017/HC-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

3. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị S về tính tiền bồi thường hỗ trợ đối với phần diện tích đất nhỏ lẻ 91,7m^2 theo Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CC Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Ủy ban nhân dân huyện CC về việc chi trả số tiền 39.574.000 *(Ba mươi chín triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn)* đồng mà bà S chưa nhận, bao gồm cả tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người khởi kiện có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ủy ban nhân dân huyện CC chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Đỗ Thị S được miễn nộp.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 22 tháng 8 năm 2018./

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Đức Phương